



SAO KÊ TÀI KHOẢN
STATEMENT OF ACCOUNT

Chủ tài khoản/ Account name: QUY HAT GIONG NHO Ngày thực hiện/ Date: 11/05/2024
Số tài khoản/ Account number: 1032240615 Kênh giao dịch/ Trans.Channel: VCB DigiBiz
Loại tài khoản/ Type of account: Tài khoản thanh toán Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản (nếu có)/ Number of Joint account holders (if any): 1

Địa chỉ/ Address: 65/16 KENH TAN HOA, P. TAN THOI HOA, Q.TAN PHU, TP HCM

Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh:
Tax Identification No./Business
Registration No:

CIF: 25667492

Loại tiền/ Currency: VND

Từ/ From: 01/04/2024

Đến/ To: 30/04/2024

Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 238,531,150 VND

(Bằng chữ/ Inwords:) Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm ba mươi một nghìn một trăm năm mươi đồng

STT No.	Ngày ¹ / TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực ² / Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	16/04/2024 / 5139 - 71148	16/04/2024	584,000		237,947,150	IBBIZ6011971148.IBPS. CFHT tháng 04/2024- Trinh Tran Trung Toan (BT)
2	16/04/2024 / 5136 - 71149	16/04/2024	512,000		237,435,150	IBBIZ6011971149.CFHT tháng 04/2024- Hoang Ky Nam (TD)
3	16/04/2024 / 5139 - 71150	16/04/2024	1,727,000		235,708,150	IBBIZ6011971150.IBPS. CFHT tháng 04/2024- Le Minh Hoang Long (Q.12)
4	16/04/2024 / 5139 - 71151	16/04/2024	399,000		235,309,150	IBBIZ6011971151.IBPS. CFHT tháng 04/2024- Tran Gia Han (GV)
5	16/04/2024 / 5136 - 71152	16/04/2024	1,105,000		234,204,150	IBBIZ6011971152.CFHT tháng 04/2024- Pham Thanh Bao An (Q6)
6	16/04/2024 / 5139 - 71153	16/04/2024	719,500		233,484,650	IBBIZ6011971153.IBPS. CFHT tháng 04/2024- Nguyen Ngoc Tuyet Nhi (TD)
7	16/04/2024 / 5136 - 71154	16/04/2024	140,000		233,344,650	IBBIZ6011971154.CFHT tháng 04/2024- Do Phuong Phuong (TD)
8	16/04/2024 / 5136 - 71155	16/04/2024	140,000		233,204,650	IBBIZ6011971155.CFHT tháng 04/2024- Do Doanh Doanh (TD)
9	16/04/2024 / 5139 - 71156	16/04/2024	515,500		232,689,150	IBBIZ6011971156.IBPS. CFHT tháng 04/2024- Huynh Tran Trung Truc (GV)
10	16/04/2024 / 5139 - 71157	16/04/2024	390,750		232,298,400	IBBIZ6011971157.IBPS. CFHT tháng 04/2024- Tran Thanh Liem (BT)
11	16/04/2024 / 5139 - 71158	16/04/2024	484,000		231,814,400	IBBIZ6011971158.IBPS. CFHT tháng 04/2024- Nguyen Tan Linh (BT)
12	16/04/2024 / 5136 - 71159	16/04/2024	929,500		230,884,900	IBBIZ6011971159.CFHT tháng 04/2024- Truong Hoang Bao Nhi (BT)
13	17/04/2024 / 5216 - 54567	17/04/2024		3,900,000	234,784,900	580863.170424.135415.P HAM DIEU THUY chuyen tien khen thuong Quy 1-2024 FT24108480529242

14	20/04/2024 / 5136 - 57343	20/04/2024	300,000		234,484,900	IBBIZ6012057343.Huynh Thinh- Giai nhac-T1.2024
15	20/04/2024 / 5136 - 57344	20/04/2024	100,000		234,384,900	IBBIZ6012057344.Huynh Nhu- Giai 3- T1.2024
16	20/04/2024 / 5139 - 57345	20/04/2024	122,000		234,262,900	IBBIZ6012057345.IBPS. Nguyen Thi Hoang Nhu Ngoc- Giai 3- T1.2024
17	20/04/2024 / 5136 - 57346	20/04/2024	100,000		234,162,900	IBBIZ6012057346.Do Doanh Doanh- Giai 3- T1.2024
18	20/04/2024 / 5139 - 57347	20/04/2024	122,000		234,040,900	IBBIZ6012057347.IBPS. Tran Thi Thuy Quynh- Giai 3- T1.2024
19	20/04/2024 / 5139 - 57348	20/04/2024	222,000		233,818,900	IBBIZ6012057348.IBPS. Huynh Vu Phi- - Giai nhi-T1.2024
20	20/04/2024 / 5136 - 57349	20/04/2024	100,000		233,718,900	IBBIZ6012057349.Nguyen Tan Phat- Giai 3- T1.2024
21	20/04/2024 / 5139 - 57350	20/04/2024	122,000		233,596,900	IBBIZ6012057350.IBPS. Nguyen Ngoc Hanh- Giai 3- T1.2024
22	20/04/2024 / 5139 - 57351	20/04/2024	122,000		233,474,900	IBBIZ6012057351.IBPS. Dang Van Hoa- Giai 3- T1.2024
23	20/04/2024 / 5136 - 57352	20/04/2024	300,000		233,174,900	IBBIZ6012057352.Nguyen Thanh Bao- Giai nhac-T2.2024
24	20/04/2024 / 5139 - 57353	20/04/2024	122,000		233,052,900	IBBIZ6012057353.IBPS. Huynh Tran Trung Truc- Giai 3- T2.2024
25	20/04/2024 / 5139 - 57354	20/04/2024	222,000		232,830,900	IBBIZ6012057354.IBPS. Nguyen Hong Thai Bao- Giai nhi- T2.2024
26	20/04/2024 / 5139 - 57355	20/04/2024	122,000		232,708,900	IBBIZ6012057355.IBPS. Nguyen Ngoc Hanh- Giai 3- T2.2024
27	20/04/2024 / 5139 - 57356	20/04/2024	122,000		232,586,900	IBBIZ6012057356.IBPS. Le Thi Truc Quyen- Giai 3- T2.2024
28	20/04/2024 / 5136 - 57357	20/04/2024	300,000		232,286,900	IBBIZ6012057357.Ylisen Mai am Thien Phuc- Giai nhac-T3.2024
29	20/04/2024 / 5136 - 57358	20/04/2024	100,000		232,186,900	IBBIZ6012057358.Dinh Thi Huyen Trang- Mai am Thien Phuc- Giai 3-T3.2024
30	20/04/2024 / 5139 - 57359	20/04/2024	222,000		231,964,900	IBBIZ6012057359.IBPS. Vu Thi Hien- Mai am Phuong Minh- Giai nhi-T3.2024
31	20/04/2024 / 5139 - 57360	20/04/2024	122,000		231,842,900	IBBIZ6012057360.IBPS. Tran Nguyet Quang- Mai am Phuong Minh- Giai 3-T3.2024
32	20/04/2024 / 5139 - 57361	20/04/2024	822,000		231,020,900	IBBIZ6012057361.IBPS. Le Thi Bao Yen- Nguyen Thi Ngoc Lan- Nguyen Sam- Tran Minh Thien Duc- Tran Thi Thuy Quynh- Dang Thi Thu Huong- Dang Thi My Hong- Pham Thanh Thuy- Mai am Hoa Hong- Giai 3-T3.2024

33	20/04/2024 / 5136 - 57362	20/04/2024	100,000		230,920,900	IBBIZ6012057362.Dinh Hoai Anh- Giai 3-T3.2024
34	20/04/2024 / 5139 - 57363	20/04/2024	122,000		230,798,900	IBBIZ6012057363.IBPS. Mai Trong Nhan- Giai 3-T3.2024
35	20/04/2024 / 5139 - 57364	20/04/2024	122,000		230,676,900	IBBIZ6012057364.IBPS. Tran Si Phu- Giai 3-T3.2024
36	20/04/2024 / 5136 - 57365	20/04/2024	100,000		230,576,900	IBBIZ6012057365.Nguyen Tan Phat- Giai 3-T3.2024
37	25/04/2024 / 5136 - 15649	25/04/2024	190,000		230,386,900	IBBIZ6012215649.CFHT thang 04/2024- Le Ngoc Phuong Dung (BT)
38	25/04/2024 / 5136 - 15650	25/04/2024	1,152,000		229,234,900	IBBIZ6012215650.CFHT thang 04/2024- Tang Minh Trong (TD)
39	25/04/2024 / 5139 - 15651	25/04/2024	1,092,000		228,142,900	IBBIZ6012215651.IBPS. CFHT thang 04/2024- Nguyen Minh Hai (GV)
40	25/04/2024 / 5139 - 15652	25/04/2024	565,000		227,577,900	IBBIZ6012215652.IBPS. CFHT thang 04/2024- Tran Hoang Thinh (GV)
41	25/04/2024 / 5139 - 15653	25/04/2024	549,000		227,028,900	IBBIZ6012215653.IBPS. CFHT thang 04/2024- Kim Pham Thu Ngan (GV)
42	25/04/2024 / 5139 - 15647	25/04/2024	520,000		226,508,900	IBBIZ6012215647.IBPS. CFHT thang 04/2024- Nguyen Hoang Phuc (Q12)
43	25/04/2024 / 5136 - 15648	25/04/2024	190,000		226,318,900	IBBIZ6012215648.CFHT thang 04/2024- Le Quoc Minh (BT)
44	25/04/2024 / 9708 - 1032240615	25/04/2024		40,196	226,359,096	INTEREST PAYMENT

Tổng số/ Total: -12,172,054 VND

Số dư cuối kỳ/ Closing balance: 226,359,096 VND

(Bằng chữ/ Inwords: ...) Hai trăm hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi chín nghìn không trăm chín mươi sáu đồng

Ngày¹: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch

Ngày hiệu lực²: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!*

**VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai
VIETCOMBANK – Together for the future**

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.

Note: This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./.